

Số: 474/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 469/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Đỗ Thị Hồng N, năm sinh 1985; Địa chỉ: Số 2A đường M, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nguyễn Kim B, năm sinh 1985; Địa chỉ: Số 98/94 đường Y, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà N và ông B cùng cư trú tại quận Tân Bình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà N và ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 167, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 9 năm 2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B là hôn nhân hợp pháp. Ngày 02 tháng 6 năm 2020, bà N và ông B có đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 6 năm 2020, bà N và ông B cùng thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim L, ngày sinh ngày sinh 26 tháng 02 năm 2014 cho ông Nguyễn Kim B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Đỗ Phương A, ngày sinh 11 tháng 8 năm 2015 cho bà Đỗ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Kim B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đỗ Phương A mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ A thành niên và việc cấp dưỡng nuôi con do bà N và ông B tự thực hiện. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Kim L cho bà N do ông B không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn của bà N và ông B là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim L, ngày sinh 26 tháng 02 năm 2014 cho ông Nguyễn Kim B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Đỗ Phương A, ngày sinh 11 tháng 8 năm 2015 cho bà Đỗ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Kim B có trách nhiệm cấp dưỡng

nuôi con Nguyễn Đỗ Phương A mỗi tháng 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ A thành niên và việc cấp dưỡng nuôi con do bà N và ông B tự thực hiện. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Kim L cho bà N do ông B không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí ly hôn: Bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Kim B cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được cân trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà N và ông B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016463 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường V, quận X
(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 167,
quyển số 01/2011 ngày 19/9/2011);
- Lưu hồ sơ vụ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu